

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VND

VNDBF

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2023





NỘI DUNG BÁO CÁO

- I. THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ
- II. ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH QUỸ
- III. KINH TẾ VIỆT NAM VÀ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU NĂM 2023
- IV. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2024
- V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ
- VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ IPAAM
- VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ NĂM 2023

I. THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ



I. THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ

Tên quỹ	Tên tiếng Việt: QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VND Tên viết tắt: VNDBF Tên tiếng Anh: VND BOND FUND
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Ngày thành lập	05/07/2019
Ngày giao dịch (T)	Thứ Hai tới Thứ Sáu
Thời điểm chốt sổ lệnh	14:45 ngày (T-1)
Công ty quản lý quỹ	Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A
Ngân Hàng Giám Sát	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
Đại Lý Phân phối	CTCP Chứng khoán VNDIRECT Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A Công ty cổ phần FINCORP
Địa chỉ liên hệ	Công Ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: 024 3941 0510; Fax 024 3941 0500
Mục tiêu đầu tư	Mục tiêu đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND là tìm kiếm lợi nhuận ổn định và dài hạn cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định bao gồm trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam có uy tín và có chất lượng tín dụng cao, tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác.
Chiến lược đầu tư	Chiến lược đầu tư của Quỹ là xây dựng một danh mục công cụ nợ đa dạng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại tài sản như: trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh thanh toán, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác. Quỹ tập trung đầu tư vào các loại trái phiếu doanh nghiệp có thanh khoản tốt của các tổ chức phát hành có độ tín nhiệm cao nhằm tạo ra lợi nhuận tốt hơn so với mức lợi tức gửi ngân hàng và giảm thiểu rủi ro, đảm bảo bảo toàn vốn cho nhà đầu tư.
Giá trị mua tối thiểu	100,000 VND
Giá dịch vụ phát hành	Miễn phí
Giá dịch vụ mua lại	-Dưới 3 tháng: 1,0% -Từ 3 tháng đến dưới 6 tháng: 0,35% -Từ 6 tháng đến dưới 9 tháng: 0,25% -Từ 09 tháng trở lên: miễn phí

I. THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ

Mức độ rủi ro

Thấp

Người điều hành quỹ

Ông Cao Minh Hoàng - Giám đốc đầu tư IPAAM

Ông Hoàng có hơn 16 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán, phân tích và quản lý danh mục đầu tư.

Trước khi gia nhập IPAAM vào năm 2012, ông đã có 2 năm làm kiểm toán viên tại Ernst & Young, sau đó làm phân tích đầu tư tại Vingroup và VNDIRECT, ông tham gia tích cực vào thành công của việc phát hành 300 triệu USD trái phiếu quốc tế của Vingrop năm 2012.

Từ năm 2012-2015, ông giữ vị trí Trưởng phòng Phân tích tại IPAAM, phụ trách việc phân tích và quản lý danh mục đầu tư. Hiện tại, ông Hoàng đảm nhiệm vị trí Giám đốc đầu tư IPAAM.

Ông Hoàng đã hoàn thành chứng chỉ CFA cấp độ 3 vào năm 2013.

Bà Hồ Ngọc Anh - Quản lý đầu tư

Bà Ngọc Anh đã có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phân tích và quản lý đầu tư.

Sau khi tốt nghiệp hạng ưu về Tài chính ngân hàng tại Assumption University, Thái Lan năm 2013, bà Ngọc Anh trở thành Chuyên viên phân tích tại VNDIRECT.

Bà Ngọc Anh gia nhập IPAAM từ năm 2015 và giữ vị trí phân tích đầu tư, sau đó trở thành nhà quản lý đầu tư các danh mục đầu tư và quỹ đầu tư của IPAAM.

Bà Ngọc Anh đã có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

II. ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH QUỸ



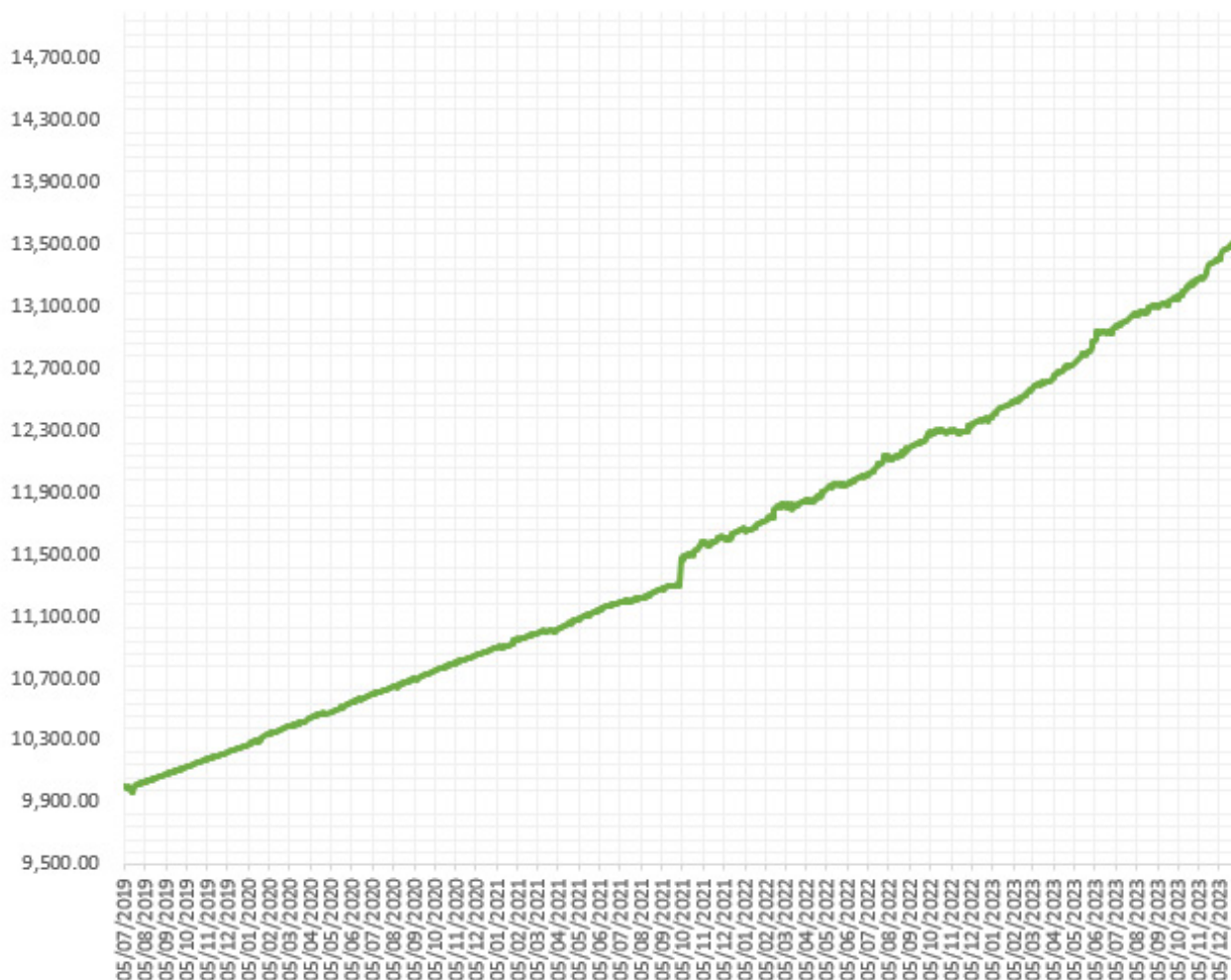
II. ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH QUỸ

Giá trị tài sản ròng	31/12/2023
NAV (triệu đồng)	184.613,45
Số lượng CCQ (triệu CCQ)	13,3
NAV/CCQ (đồng)	13.549,95
NAV/CCQ cao nhất (đồng)	13.549,95
NAV/CCQ thấp nhất (đồng)	12.378,42
Chi phí hoạt động/tài sản bình quân (%)	1,66%

Giá trị NAV/CCQ đến 31/12/2023 đạt 13.549,95 đồng/CCQ, tăng 9,46 % so với cuối năm 2022. Tính từ ngày thành lập, NAV/CCQ đạt mức tăng trưởng 35,50%.

Quỹ VNDBF đầu tư chủ yếu vào Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (73,58%) và Chứng chỉ tiền gửi (17,99%). Bên cạnh đó, Quỹ cũng tận dụng tối đa và linh hoạt tiền mặt để gửi tiền tại các ngân hàng thương mại nhằm gia tăng thu nhập mà vẫn đảm bảo thanh khoản cho Quỹ. Quỹ VNDBF đầu tư chủ yếu vào Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (73,58%) và Chứng chỉ tiền gửi (17,99%). Bên cạnh đó, Quỹ cũng tận dụng tối đa và linh hoạt tiền mặt để gửi tiền tại các ngân hàng thương mại nhằm gia tăng thu nhập mà vẫn đảm bảo thanh khoản cho Quỹ.

NAV/1CCQ

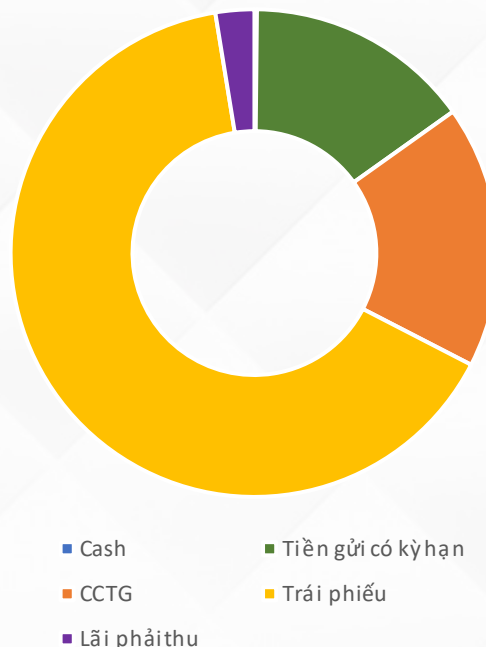


II. ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH QUỸ

BÁO CÁO THU NHẬP NĂM 2023

Nội dung	Giá trị
THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (I)	17,957,384,403
CHI PHÍ ĐẦU TƯ (II)	8,064,408
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ (III)	2,765,200,339
Phí quản lý Quỹ mở	1,843,375,155
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	250,291,948
Phí dịch vụ giám sát	66,000,000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	198.000.000
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	158,400,000
Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở, thù lao ban đại diện quỹ	8.000.000
Lương BDD Quỹ	144.000.000
Chi phí kiểm toán	86,400,000
Chi phí hoạt động khác	10,733,236
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (VI=IV + V)	15,184,119,656
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (VIII = VI - VII)	15,184,119,656

PHÂN BỐ TÀI SẢN



III. KINH TẾ VIỆT NAM VÀ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU NĂM 2023

▼ 53.0

38,295



III. KINH TẾ VIỆT NAM VÀ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU NĂM 2023

1. Bối cảnh kinh tế Việt Nam năm 2023

Việt Nam đạt kết quả tăng trưởng kinh tế tích cực, mặc dù chưa đạt mục tiêu đề ra đầu năm nhưng vẫn thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, không thuận lợi, nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự quyết liệt và sát sao trong chỉ đạo của Chính phủ; kinh tế nước ta vẫn đạt được kết quả khả quan cho thấy nền kinh tế phục hồi với mức tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước. Cụ thể, nền kinh tế đạt mức tăng trưởng 5,05%, mặc dù không đạt mục tiêu 6,5% đề ra tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ nhưng là kết quả tích cực và thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu thống kê cho thấy kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp; cung cầu hàng hóa thiết yếu được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa, tiêu dùng nội địa duy trì mức tăng khá.

Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84% ~ 0,46 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87% ~ 1,51 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29% ~ 3,25 điểm phần trăm. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,7% so với năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9%; cả nước xuất siêu 28 tỷ USD (năm 2022, xuất siêu đạt 12,1 tỷ USD). Đây cũng là năm thứ 8 Việt Nam xuất siêu liên tục. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 96,8 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 111,6 tỷ USD.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam trong năm 2023 đạt gần 36,6 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm trước; mức giải ngân đạt 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua. Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2023 ước đạt 1.717,8 nghìn tỷ đồng, bằng 106% dự toán năm và giảm 5,4% so với năm trước. Tổng chi ngân sách năm 2023 ước đạt 1.731,9 nghìn tỷ đồng, bằng 83,4% dự toán năm và tăng 10,9% so với năm trước.

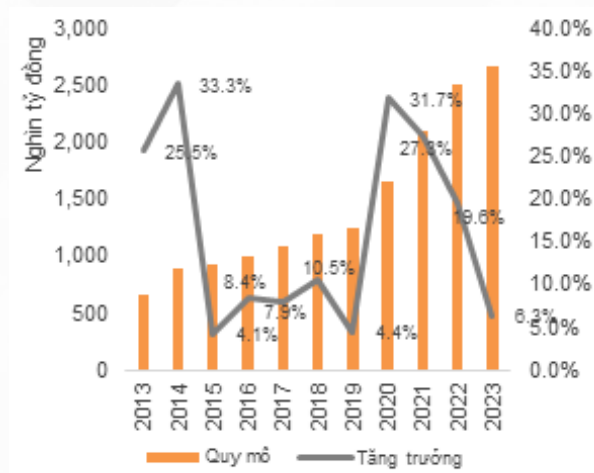
Năm 2023, dù lạm phát ở nhiều quốc gia trên toàn cầu vẫn đang ở mức cao nhưng lạm phát bình quân của Việt Nam chỉ tăng 3,25%, đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra, là điểm sáng trong việc kiểm soát giá cả, ổn định kinh tế vĩ mô năm vừa qua, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Thành công trong kiểm soát lạm phát là kết quả của sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô.

Trong năm 2023, NHNN đã điều hành tỉ giá phù hợp với tình hình thị trường trong và ngoài nước, can thiệp linh hoạt nhằm ổn định thị trường ngoại tệ hạn chế biến động lớn trong ngắn hạn. Kết quả là năm 2023, VND mất giá khoảng 2,9% so với USD (đồng tiền chủ yếu sử dụng trong thương mại quốc tế), là mức phù hợp với xu hướng chung trên thế giới và trong khu vực, góp phần kiểm chế áp lực lạm phát nhập khẩu từ thế giới.

2. Thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2023

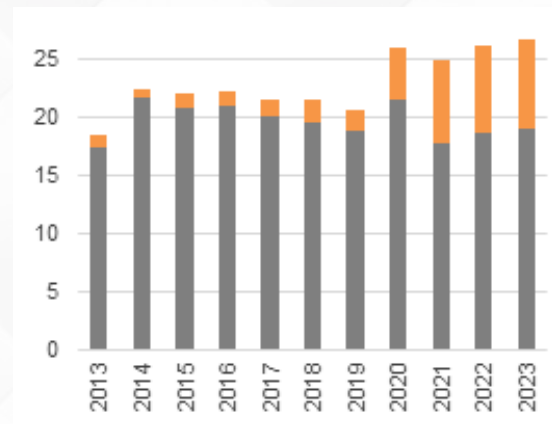
Quy mô thị trường trái phiếu có tăng trưởng nhẹ nhưng tốc độ tăng đã giảm đi nhiều so với 3 năm trước

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM



Nguồn: Asia Bond Online

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM SO VỚI GDP

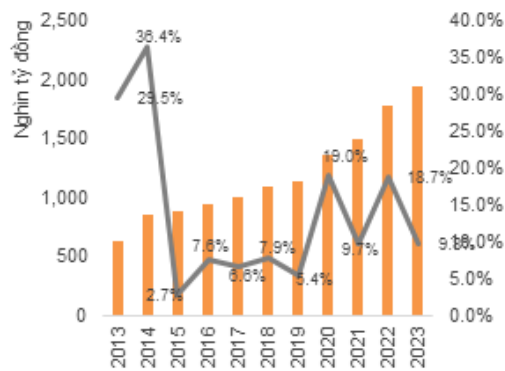


Nguồn: Asia Bond Online

Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2023 đạt 2.655 nghìn tỷ đồng, tương đương 26,69% GDP, mặc dù tăng trưởng vẫn dương nhưng tốc độ tăng trưởng của thị trường trái phiếu đã giảm đáng kể qua các năm gần đây, từ mức tăng trưởng +31,7% năm 2020 về còn +6,3% năm 2023 (theo Asia Bond Online).

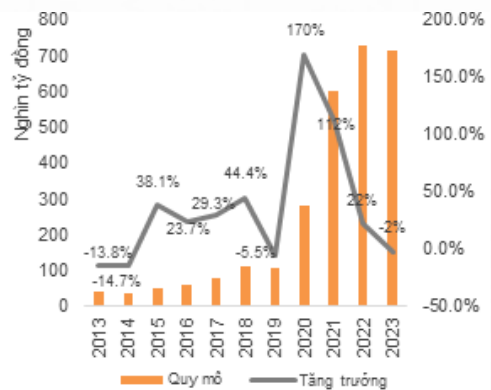
Thị trường trái phiếu Chính phủ vẫn giữ được tăng trưởng trong khi thị trường trái phiếu doanh nghiệp quy mô đã giảm nhẹ

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ (TPCP) VIỆT NAM



Nguồn: Asia Bond Online

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP (TPDN) VIỆT NAM



Nguồn: Asia Bond Online

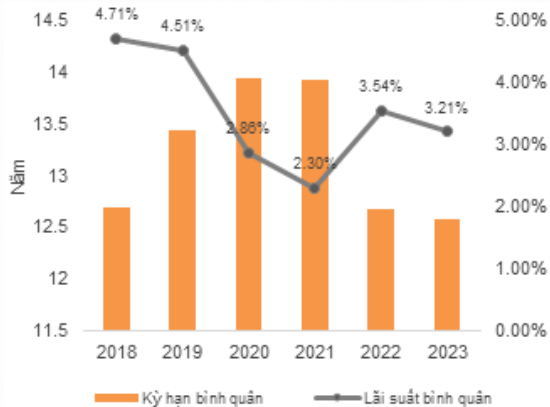
Quy mô thị trường trái phiếu Chính phủ (TPCP) năm 2023 tiếp tục tăng trưởng +9,8% so với năm trước đạt trên gần 2 triệu tỷ đồng. Quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đã giảm nhẹ -2% so với năm 2022, đạt 715 nghìn tỷ đồng do nửa đầu năm đóng băng rất ít doanh nghiệp phát hành được trái phiếu; các điều kiện pháp lý yêu cầu hồ sơ phát hành chặt chẽ hơn, tuy nhiên thị trường TPDN cũng đã hồi phục tích cực vào nửa cuối năm 2023.

Theo VBMA, kết quả phát hành TPCP trong năm 2023 đạt gần 300 nghìn tỷ đồng, tăng +39,01% so với năm trước nhưng chỉ hoàn thành 63,78% kế hoạch cả năm.

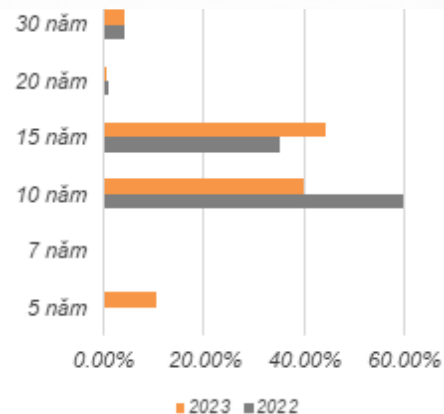
Kỳ hạn	2022	2023	%SVCK	% KH năm
5 năm	0	31,893		61.33%
7 năm	0	950		8.64%
10 năm	128,312	118,937	-7.31%	72.08%
15 năm	75,520	132,153	74.99%	65.75%
20 năm	2,265	2,049	-9.54%	10.78%
30 năm	8,625	12,494	44.86%	62.47%
Tổng	214,722	298,476	39.01%	63.78%

Các kỳ hạn 10 năm và 15 năm chiếm đa số số lượng TPCP phát hành cả năm, trong khi năm 2022 không phát hành thành công TPCP kỳ hạn 5 năm và 7 năm thì sang năm 2023 đã phát hành thành công gần 33 nghìn tỷ ở 2 kỳ hạn này mặc dù chỉ hoàn thành lần lượt 61,33% và 8,64% kế hoạch năm

KỶ HẠN PHÁT HÀNH TPCP BÌNH QUÂN



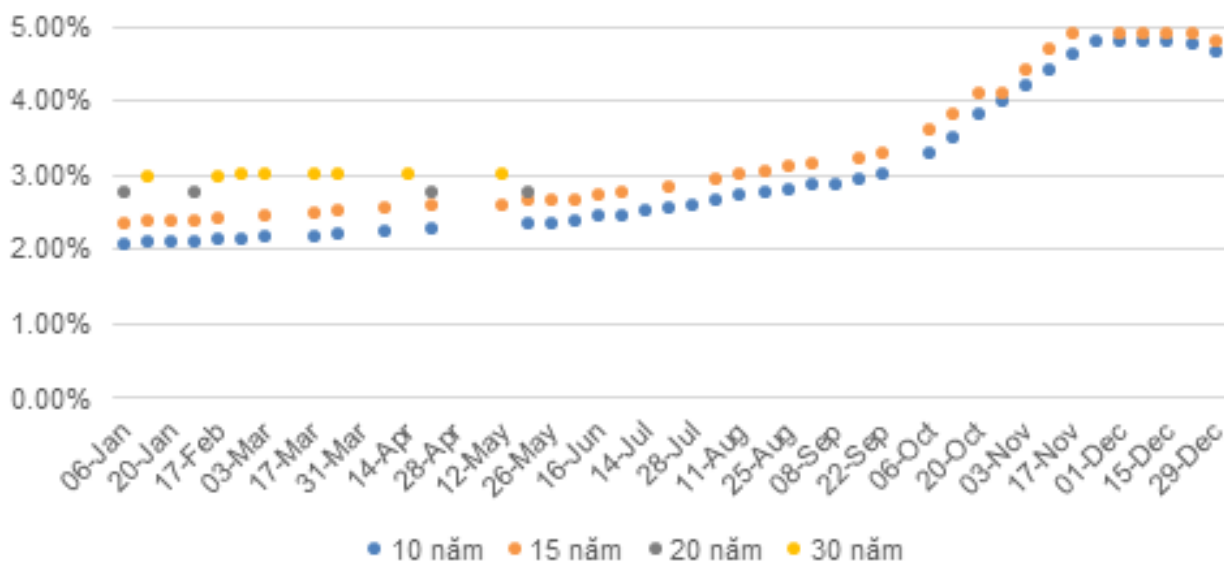
TỶ TRỌNG CÁC KỶ HẠN TPCP TRÚNG THẦU



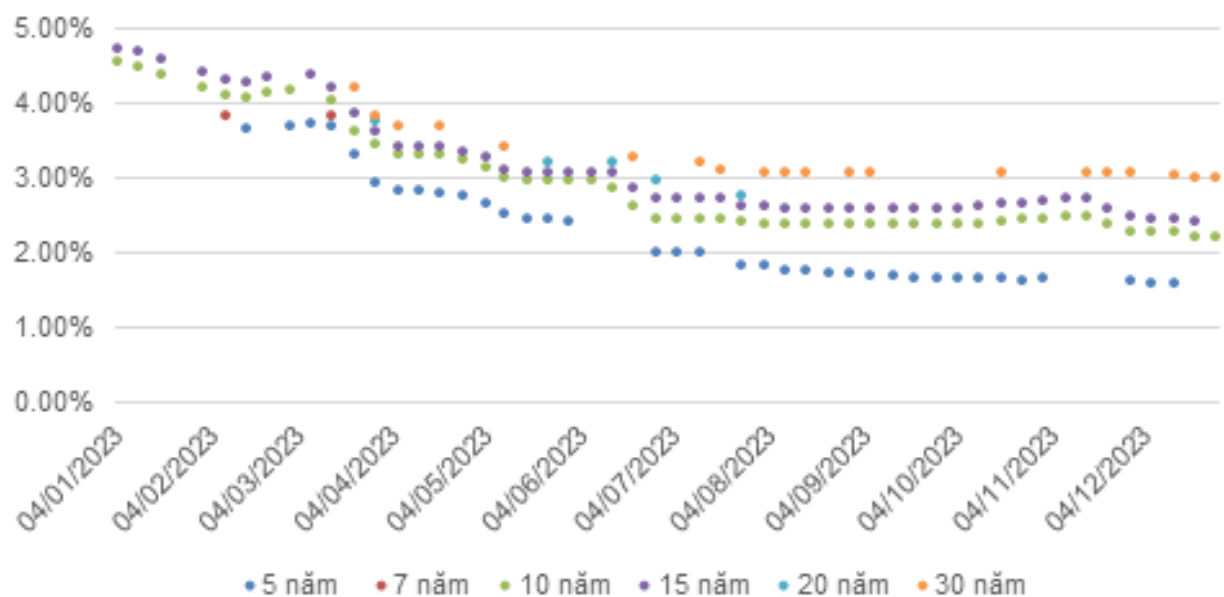
Các đợt trúng thầu tiếp tục tập trung vào kỳ hạn 10 năm và 15 năm, chiếm tỷ trọng trong phát hành cả năm lần lượt là 39,85% và 44,28%. Kỳ hạn phát hành bình quân đạt 12,58 năm (gần bằng năm 2022 phát hành với kỳ hạn bình quân 12,67 năm).

Lãi suất trúng thầu TPCP trên thị trường sơ cấp giảm nhiều so với mặt bằng năm 2022, quay về mức lãi suất gần bằng ở thời điểm cuối năm 2021.

Lãi suất trúng thầu TPCP năm 2022



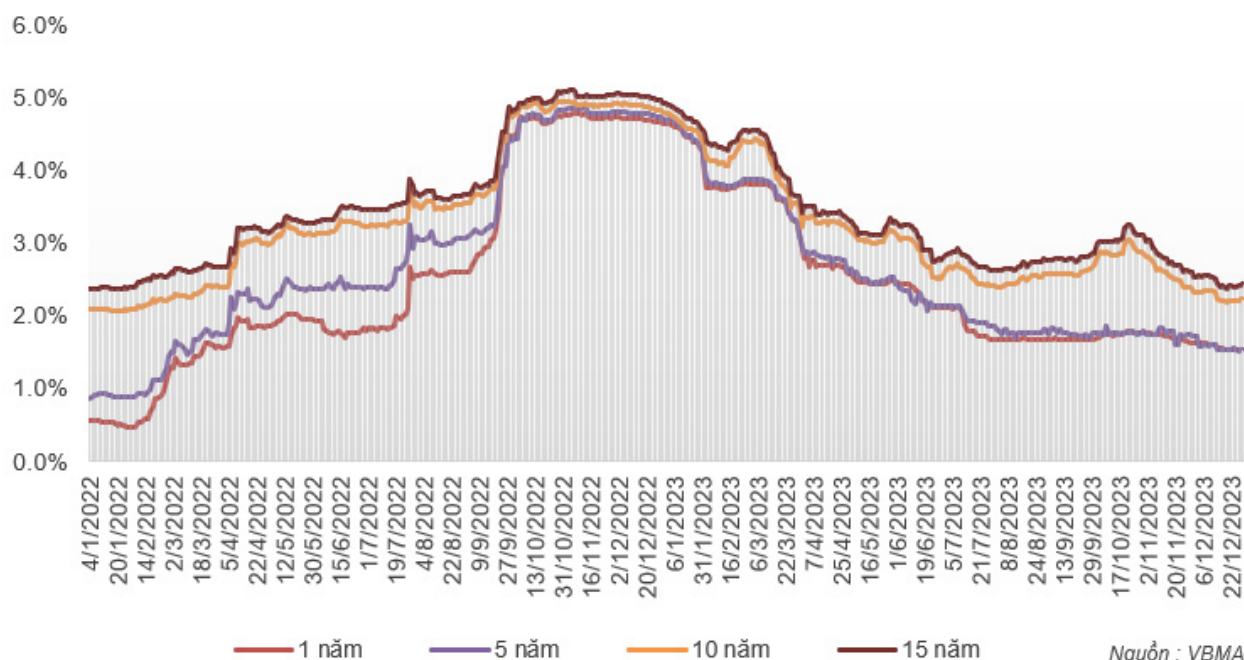
Lãi suất trúng thầu TPCP năm 2023



Hai kỳ hạn phát hành nhiều nhất là 10 năm và 15 năm lãi suất đã giảm từ 4,53% và 4,72% về 2,45% và 2,7% trong nửa đầu năm. Nửa sau của năm 2023, đã giảm lãi suất đã chứng lại, phiên đấu thầu cuối năm lãi suất kỳ hạn 10 năm; 15 năm; 30 năm lần lượt là 2,2%; 2,4% và 3%. Tính trung bình, lãi suất phát hành bình quân năm 2023 đạt 3,21%/năm, giảm -0,33%/năm so với năm 2022.

Trên thị trường thứ cấp, lợi suất TPCP cũng đồng pha giảm mạnh tương tự lãi suất trúng thầu, mặc dù có những thời điểm lợi suất tăng nhẹ trở lại. Chênh lệch lợi suất TPCP các kỳ hạn bắt đầu lớn dần giữa các kỳ hạn dài và ngắn sau thời gian co hẹp giai đoạn quý 4/2022 đến quý 1/2023.

Lợi suất trái phiếu Chính phủ



Kết thúc năm 2023, lợi suất TPCP các kỳ hạn 1 năm, 5 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm và 30 năm trên thị trường thứ cấp lần lượt kết thúc ở mức 1,213% (-343 đcb svck); 1,472% (-323 đcb svck); 2,378% (-242 đcb svck); 2,616% (-230 đcb svck); 2,848% (-232 đcb svck); 3,044% (-222 đcb svck)

So với lợi suất cuối năm ngoái, lợi suất giao dịch tất cả các kỳ hạn đều giảm, đặc biệt kỳ hạn 1-5 năm giảm rất mạnh từ 3,2-3,4% làm gap lợi suất giữa các kỳ hạn lại nới rộng ra khá nhiều.

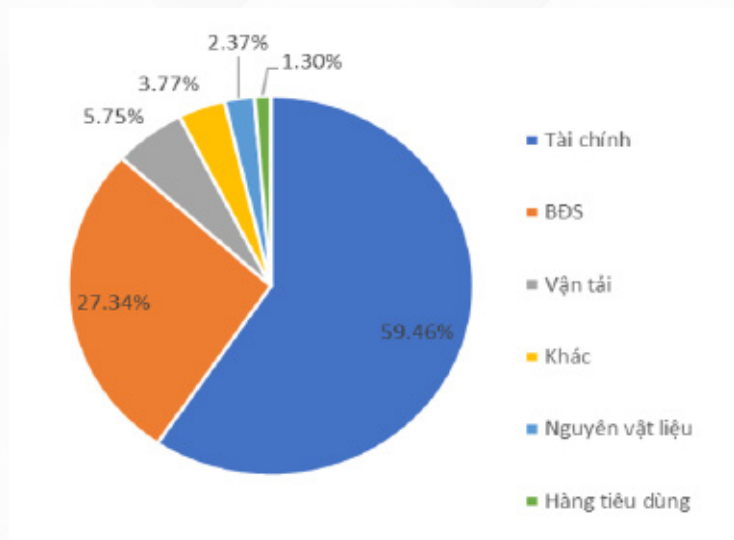
Nguyên nhân chính của xu hướng giảm do chính sách tiền tệ nới lỏng (SBV đã 4 lần giảm lãi suất điều hành trong năm 2023) và thanh khoản dư thừa trên thị trường liên ngân hàng khiến nhu cầu của các Ngân hàng gia tăng trong khi đó nguồn cung sơ cấp chưa bị áp lực do lượng tiền chưa giải ngân của Kho bạc vẫn khá lớn.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Sau nửa năm đầu đóng băng, nửa năm sau của năm đã chứng kiến sự sôi động trở lại của kênh đầu tư Trái phiếu Doanh nghiệp. Cùng với việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, đưa TPDN riêng lẻ giao dịch tập trung đã cho thấy tín hiệu phục hồi và niềm tin vào thị trường TPDN đang dần quay trở lại.

Theo HNX, năm 2023 có tổng cộng 29 đợt phát hành TPDN ra công chúng với tổng giá trị phát hành là 37.070 tỷ đồng, gấp gần 3,5 lần so với lượng trái phiếu phát hành ra công chúng cả năm 2022 (chiếm khoảng 11% tổng giá trị phát hành); 305 đợt phát hành riêng lẻ trị giá gần 287 nghìn tỷ đồng, tăng nhẹ 11% so với lượng trái phiếu riêng lẻ phát hành cả năm 2022 (chiếm khoảng 89% tổng giá trị phát hành). Tổng quy mô phát hành TPDN cả năm 2023 tăng 22% so với năm 2022, mặc dù vẫn cách khá xa lượng phát hành năm 2021 (595 nghìn tỷ) nhưng sự sôi động trở lại này đã cho thấy tín hiệu TPDN đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất.

Giá trị phát hành TPDN theo ngành (12T/2023)



Về cơ cấu nhóm ngành phát hành, tương tự năm 2022, Tổ chức tín dụng và Bất động sản vẫn là 2 nhóm TCPH lớn nhất. Nhóm Tổ chức tín dụng (chủ yếu là ngân hàng) phát hành khoảng 190 nghìn tỷ, đứng đầu với tỷ trọng 59,46% tổng giá trị phát hành (tăng 39% so với lượng phát hành năm 2022), đứng tiếp theo là nhóm Bất động sản phát hành khoảng 88 nghìn tỷ với tỷ trọng 27,34% tổng giá trị phát hành (tăng 69% so với lượng phát hành năm 2022). Các đợt phát hành vẫn tập trung chủ yếu tại kỳ hạn 1-3 năm với giá trị khoảng 109 nghìn tỷ đồng, tương đương 34% tổng giá trị phát hành. Cả năm 2023, lãi suất phát hành bình quân ~ 7,58%/năm, kỳ hạn phát hành bình quân ~ 4,35 năm.

Trong năm 2023, các doanh nghiệp đã mua lại trước hạn lượng trái phiếu trị giá khoảng 247 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với lượng mua lại năm 2022. Trong đó, nhóm Tổ chức tín dụng chiếm đa số khi thực hiện mua lại 118 nghìn tỷ đồng, tương đương 47,7% tổng giá trị mua lại. Xếp sau là nhóm Bất động sản với 51 nghìn tỷ đồng, chiếm 20,6%. Hầu hết trái phiếu được mua lại sẽ đáo hạn vào năm 2024 và 2025 (chiếm 58%).

Trong năm 2024, tổng giá trị trái phiếu sẽ đến hạn là khoảng 277 nghìn tỷ đồng. 41% giá trị trái phiếu sắp đáo hạn thuộc nhóm Bất động sản với 113 nghìn tỷ đồng, theo sau là nhóm Ngân hàng với gần 55 nghìn tỷ đồng (chiếm 20%).

Hàng loạt các giải pháp đã được cơ quan quản lý triển khai trong năm 2023 nhằm tháo gỡ các nút thắt của thị trường

Năm 2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08, trong đó có quy định về việc ngưng hiệu lực một số quy định của Nghị định số 65 cũng như cho phép các doanh nghiệp đàm phán với các nhà đầu tư để xử lý trái phiếu đến hạn, có thể kéo dài kỳ hạn trái phiếu thêm tối đa 2 năm để có thời gian điều chỉnh, phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nghị định số 08 là một điểm sáng pháp lý và có tác dụng rất lớn đến thị trường trái phiếu năm 2023.

Trong tháng 7/2023, Bộ Tài chính cũng đã chính thức đưa hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ tập trung vào vận hành và đến hết 31/12, tổng giá trị giao dịch đã đạt 218.000 tỷ đồng, với giá trị giao dịch bình quân phiên tương ứng là 1.880 tỷ đồng/một phiên. Trên 887 mã trái phiếu của 249 tổ chức đã được đăng ký và giao dịch trên thị trường tập trung này, góp phần cải thiện tính minh bạch cũng như tăng tính thanh khoản cho trái phiếu doanh nghiệp.

IV. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2024



IV. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2024

1. Nhận định thị trường năm 2024

Kinh tế Việt Nam 2024: Thách thức đan xen cùng cơ hội tăng trưởng

Chính phủ nhận định tình hình thế giới và khu vực sẽ còn tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường do hậu quả của đại dịch Covid-19 còn tác động kéo dài, xung đột tại Ukraine và dải Gaza vẫn chưa đến hồi kết. Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm. Lạm phát, chính sách tiền tệ của một số nền kinh tế lớn còn chứa đựng yếu tố bất định. Tuy nhiên kinh tế Việt Nam năm 2023 đã đạt thành quả nhất định và ghi nhận những tín hiệu phục hồi khá rõ nét, là cơ sở để Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 6 - 6,5%, tốc độ tăng CPI bình quân từ 4 - 4,5% cho năm 2024.

Mục tiêu tăng trưởng 6% đến 6,5% được đánh giá là khả thi nhờ ba trụ cột tăng trưởng gồm xuất khẩu, đầu tư và tiêu dùng đều rất khả quan. Xuất khẩu cuối năm 2023 đã có các dấu hiệu phục hồi rất tốt. Trong thời gian tới, nhu cầu của thị trường thế giới quay trở lại, khả năng phục hồi của xuất khẩu của Việt Nam càng rõ nét hơn. Cùng với đó, nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong nước cũng đang có dấu hiệu phục hồi. Các gói hỗ trợ kích cầu của Chính phủ được đưa vào nền kinh tế phát huy hiệu quả sẽ tác động lớn tới thị trường, kích thích sản xuất, tiêu dùng. Về đầu tư công vẫn được giải ngân tuy có chậm nhưng cũng đã có dấu hiệu phục hồi sau một năm khó khăn.

Năm 2024 dự báo chính sách tiền tệ tiếp tục duy trì môi trường lãi suất thấp. Cục Dự trữ liên bang Mỹ có dấu hiệu rõ rệt sẽ giảm lãi suất trong năm 2024 nhưng chưa có mức giảm cụ thể do lạm phát vẫn tiềm ẩn. Tại Việt Nam, lãi suất hiện nay đã ở mức thấp, ít có dư địa giảm thêm. Việt Nam đã thành công trong việc kiểm soát lạm phát năm 2023, điều đó tạo đà cho việc giữ ổn định lạm phát trong năm tới. Tuy nhiên, năm 2024 việc kiểm soát lạm phát vẫn rất thách thức bởi các yếu tố trong và ngoài nước. Trong đó, những áp lực chính là giá nguyên vật liệu đầu vào đang ở mức cao, Việt Nam là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất nên sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên. Ngoài ra, việc thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý như y tế và giáo dục hay EVN có thể tiếp tục tăng giá điện sẽ tác động làm tăng CPI.

Thị trường TPDN được kỳ vọng phục hồi tích cực, tăng trưởng lành mạnh hơn song khó khăn vẫn sẽ còn tiếp diễn.

Tỷ lệ trái phiếu chậm trả phát sinh mới giảm dần khi SBV cắt giảm 4 lần lãi suất trong năm 2023 giúp cho doanh nghiệp huy động vốn dễ dàng hơn cùng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh dần phục hồi, thị trường bất động sản đã qua giai đoạn khó khăn nhất, môi trường lãi suất thấp, cũng như các quy định pháp lý rõ ràng sẽ thúc đẩy thị trường TPDN khởi sắc trong năm 2024. Niềm tin về một thị trường thông tin được công bố minh bạch hơn, nâng cao được cả chất lượng về trái phiếu phát hành và kiến thức tiếp nhận của Nhà đầu tư

Tuy nhiên, những rủi ro về thị trường TPDN vẫn còn hiện hữu trong năm nay. Theo báo cáo của VBMA, áp lực TPDN năm 2024-2025 là tương đối lớn khi nhiều trái phiếu đáo hạn vào 2023 được gia hạn thêm 1-2 năm. Giá trị trái phiếu đến hạn vào năm 2024 và 2025 lần lượt là 278.210 tỷ đồng và 294.436 tỷ đồng, trong đó có khoảng 40% là trái phiếu bất động sản. 2024 cũng là năm mà một số điều thuộc Nghị định 08 hết hiệu lực và áp dụng trở lại Nghị định 65, hoạt động phát hành để đảo nợ có thể sẽ gặp khó khăn khi các quy định về phát hành trở nên chặt chẽ hơn. Doanh nghiệp khi phát hành TPDN riêng lẻ phải có xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp, có người môi giới, có người bảo lãnh và chỉ được bán cho nhà đầu tư chuyên nghiệp. Bước đầu doanh nghiệp khi phát hành trái phiếu có thể gặp khó khăn nhưng đây cũng là điều kiện cần để thanh lọc thị trường, giúp lấy lại niềm tin cho nhà đầu tư

2. Chiến lược đầu tư năm 2024

Với dự báo mặt bằng lãi suất sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp như hiện tại do Ngân hàng Nhà nước đặt mục tiêu hàng đầu là môi trường lãi suất thấp để hỗ trợ phục hồi nền kinh tế, hoặc thậm trọng hơn là có thể giảm nhẹ trong trường hợp tăng trưởng tín dụng trong nước chưa đạt được kỳ vọng. Tuy nhiên, dư địa giảm lãi suất còn khá ít vì với mức lãi suất huy động như hiện tại mà lạm phát mục tiêu từ 4 - 4,5% trong năm 2024, các ngân hàng vẫn cần đảm bảo lãi suất thực dương và không tạo áp lực lên tỉ giá. Do vậy, Ban Điều hành Quỹ dự kiến vẫn tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư trái phiếu niêm yết của các doanh nghiệp tốt, có dòng tiền đảm bảo khả năng trả nợ để tối ưu lợi nhuận đầu tư trong bối cảnh lãi suất đang ở vùng đáy như hiện tại.

Tuy nhiên thực trạng về các lô TPDN niêm yết phát hành mới đang rất hiếm, thanh khoản thứ cấp của các lô đã phát hành cũng đang rất hạn chế, Quỹ VNDBF sẽ linh hoạt phân bổ đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi/ tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn ngắn (6 tháng) để tối ưu lợi nhuận trong thời gian chờ cơ hội đầu tư vào TPDN (dự kiến vào nửa cuối năm thị trường TPDN niêm yết mới sôi động trở lại)

V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban đại diện quỹ gồm 04 (bốn) thành viên, trong đó có 03 (ba) thành viên độc lập như sau:

- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban Đại diện quỹ
- Bà Phí Thị Thùy Dung – Thành viên độc lập Ban đại diện quỹ
- Bà Hoàng Thị Út Quyên – Thành viên độc lập Ban đại diện quỹ
- Bà Nguyễn Hồ Nga – Thành viên Ban đại diện quỹ

Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của Ban Đại diện Quỹ nhằm hỗ trợ tối đa cho hoạt động của Quỹ VNDBF, trong giai đoạn 01/01/2023 đến 31/12/2023, Ban Đại Diện Quỹ VNDBF đã đảm bảo mỗi quý họp ít nhất một lần và đã thông qua các nội dung sau:

- Nghị quyết số 01/2023/NQ-VNDBF ngày 13/01/2023, phê duyệt bổ sung danh sách tổ chức tín dụng mà Quỹ VNDBF được đi tiền gửi, đầu tư mua chứng chỉ tiền gửi và các công cụ thị trường tiền tệ khác.
- Nghị quyết số 02/2023/NQ-VNDBF ngày 29/06/2023, phê duyệt lựa chọn công ty kiểm toán quỹ cho Quỹ VNDBF năm 2023
- Nghị quyết số 03/2023/NQ-VNDBF ngày 25/09/2023, Thông qua việc Bán chứng chỉ tiền gửi gửi VPBFC/CCTG-11900 của Công Ty Tài Chính TNHH Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC.
- Nghị quyết số 04/2023/NQ-VNDBF ngày 19/12/2023, Thông qua việc Mua Trái phiếu LPB7Y202205 của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt
- Nghị quyết số 05/2023/NQ-VNDBF ngày 26/12/2023, Thông qua việc Mua Chứng chỉ tiền gửi VPBFC.CCTG-15188 của Công Ty Tài Chính TNHH Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC



VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ IPAAM



VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ IPAAM

THÔNG TIN CHUNG

- Ra đời từ năm 2008, IPAAM là một trong những công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam. Hiện tại, IPAAM là thành viên của CTCP Tập đoàn đầu tư I.P.A, tập đoàn đầu tư đa ngành với các lĩnh vực cốt lõi gồm Dịch vụ tài chính đầu tư (với hai thành viên chính là Công ty chứng khoán VNDIRECT và IPAAM), Bất động sản và Năng lượng.
- IPAAM có vốn điều lệ 100 tỷ đồng, quản lý các sản phẩm đầu tư đa dạng gồm Quỹ mở cổ phiếu, Quỹ mở trái phiếu, Quỹ ETF và các danh mục đầu tư cho nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm tài chính của Tập đoàn I.P.A .

GIÁ TRỊ CỦA CHÚNG TÔI

- **Công nghệ:** trong hệ sinh thái của Tập đoàn đầu tư I.P.A, IPAAM và VNDIRECT là hai công ty thành viên có nền tảng công nghệ mạnh, đi đầu thị trường. Chúng tôi sở hữu nền tảng quản lý tài sản giúp nhà đầu tư giao dịch các loại tài sản đầu tư bao gồm chứng chỉ quỹ trực tuyến thuận lợi, an toàn và nhanh chóng.
- **Con người:** IPAAM sở hữu đội ngũ chuyên gia quản lý đầu tư chuyên nghiệp, chính trực, tận tâm. Từng cá nhân đều có kinh nghiệm chuyên sâu trong quản lý tài sản với nhiều năm làm việc tại các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế. Chúng tôi luôn đặt nguyên tắc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp là yếu tố quan trọng hàng đầu khi xây dựng hệ thống đánh giá tuân thủ và kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo sự minh bạch và chất lượng trong các sản phẩm dịch vụ cung cấp tới các nhà đầu tư. Với tổng cộng hơn 80 năm kinh nghiệm quản lý đầu tư của đội ngũ, chúng tôi tự tin mang tới các sản phẩm dịch vụ quản lý đầu tư chuyên nghiệp hiệu quả cho các nhà đầu tư.
- **Chuỗi giá trị:** Nằm trong chuỗi giá trị của hệ sinh thái Tập đoàn đầu tư I.P.A và VNDIRECT, IPAAM thừa hưởng mạng lưới khách hàng đa dạng, xây dựng được mối quan hệ vững chắc và sự am hiểu về hoạt động của các công ty đầu tư tiềm năng, từ đó không chỉ đánh giá chọn lọc đầu tư hiệu quả mà còn kết nối các cơ hội đầu tư, các đối tác chiến lược và nhà đầu tư.

TÂM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

Trở thành công ty quản lý quỹ tin cậy nhất cho nhà đầu tư lựa chọn khi hướng tới mục đích an tâm đầu tư

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF) đã thực hiện Báo cáo tài chính năm 2023 dưới sự giám sát của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Công ty kiểm toán Ernst & Young. Đính kèm bên dưới là những nội dung chính quan trọng của Báo cáo tài chính Quỹ năm 2023.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ NĂM 2023



VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ NĂM 2023

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF) đã thực hiện Báo cáo tài chính năm 2023 dưới sự giám sát của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Công ty kiểm toán Ernst & Young. Đính kèm bên dưới là những nội dung chính quan trọng của Báo cáo tài chính Quỹ năm 2023.

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG NĂM 2023

NỘI DUNG	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (VND)
Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	160.819.840.910
Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	15.184.119.656
Trong đó:	
Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong kỳ.	15.184.119.656
Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ.	-
Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ Quỹ	5.277.349.315
Trong đó:	
Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ Quỹ.	25.575.738.744
Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ Quỹ.	20.298.389.429
Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	181.281.309.881

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ NĂM 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

CHỈ TIÊU

Ngày 31 tháng 12 năm 2023
(VND)

I. TÀI SẢN

1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	1.748.246.752
1.1 Tiền gửi ngân hàng	848.246.752
1.2 Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng	900.000.000
2. Các khoản đầu tư thuần	177.751.257.074
2.1 Các khoản đầu tư	177.751.257.074
3. Các khoản phải thu	5.113.948.578
3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	5.113.948.578
3.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	5.113.948.578

TỔNG TÀI SẢN **184.613.452.404**

II. NỢ PHẢI TRẢ

1. Vay ngắn hạn	-
2. Phải trả về mua các khoản đầu tư	-
3. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	1.451.287
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.884.357
5. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	-
6. Chi phí phải trả	90.000.000
7. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	416.309.811
8. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	15.277.407
9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	264.157.830
10. Phải trả, phải nộp khác	2.542.061.831

TỔNG NỢ PHẢI TRẢ **3.332.142.523**

III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

181.281.309.881

1. Vốn góp của Nhà đầu tư	133.787.362.400
1.1 Vốn góp phát hành	351.895.240.200
1.2 Vốn góp mua lại	(218.107.877.800)
2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	10.231.097.534
3. Lợi nhuận chưa phân phối	37.262.849.947

IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ **13.549,95**

V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ **-**

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ NĂM 2023

KẾT QUẢ THU NHẬP NĂM 2023

CHỈ TIÊU	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (VND)
I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	17.957.384.403
1.1. Trái tức được chia	11.277.921.577
1.2. Tiền lãi được nhận	4.561.411.856
1.3. Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	(36.900.461)
1.4. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	2.154.951.431
II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	8.064.408
2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7.954.408
III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	2.765.200.339
3.1. Phí quản lý Quỹ mở	1.843.375.155
3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	250.291.948
3.3. Phí dịch vụ giám sát	66.000.000
3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	198.000.000
3.5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	158.400.000
3.8. Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở	8.000.000
3.9. Lương BDD Quỹ	144.000.000
3.10. Phí thành lập quỹ	-
3.11. Chi phí kiểm toán	86.400.000
3.12. Chi phí thanh lý tài sản Quỹ mở	-
3.13. Chi phí hoạt động khác	10.733.236
IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	15.184.119.656
V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC	-
VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	15.184.119.656
6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	13.029.168.225
6.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	2.154.951.431
VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN	-
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ	15.184.119.656

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (IPAAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của IPAAM. IPAAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.